

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Vnh

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về Vệc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông ***Võ Văn Đ (Vo Duc V)***, sinh năm 1966

Địa chỉ: 8705 Bryant Ct Bowie, PG MD 20720 USA

- Bị đơn: Bà ***Nguyễn Thị M***, sinh năm 1984

Địa chỉ: 322 Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Ông Đ có đơn xin vắng mặt, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2019 nguyên đơn ông Võ Văn Đ trình bày:

Năm 2007 ông quen biết và tự nguyện kết hôn với bà Nguyễn Thị M, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, số 249 ngày 28/11/2012. Ông bà chung sống có 01 người con chung là cháu Võ Tường V, sinh ngày 29/8/2009, giới tính nữ, hiện do bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Sau thời gian chung sống, ông và bà M phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau nên đã sống ly thân. Hiện bà M sống cùng cháu V tại Việt Nam, ông đã định cư ở Hoa Kỳ. Nay ông nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Nay ông Đ yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị M
- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Võ Tường V, giới tính nữ, sinh ngày 29/8/2009 hiện cháu sống cùng mẹ là bà M. Ông đồng ý để bà M tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Võ Tường V, ông cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn bà M có ý kiến tại bản khai:** Thống nhất theo trình bày của ông Đ về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và có 01 người con chung. Ngoài ra bà còn khai thêm về tài sản chung và nợ chung. Về hôn nhân bà đồng ý ly hôn với ông Võ Văn Đ, về con chung xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Võ Tường V, giới tính nữ, sinh ngày 29/8/2009 do hiện nay bà M trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, bà yêu cầu người cha có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bà yêu cầu chia đôi nợ chung là 60.000.000đ nhưng không nói rõ là nợ ai; tài sản chung yêu cầu chia đôi giá trị nhà bà đang sử dụng, 02 xe mô tô ông Đ đã lấy sử dụng. Bà M không thực hiện quyền kiện yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung theo thông báo của Tòa án và vắng mặt theo các lần triệu tập hợp lệ trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục tổng đạt hợp lệ. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị M là hôn nhân tự nguyện, tuân thủ đúng các điều kiện về kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 249 ngày 28/11/2012, đúng quy định tại các Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn giữa ông Đ và bà M là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến không còn tình nghĩa vợ chồng với

nhau. Ông Đ và bà M đã sống ly thân, tại bản khai ông Đ và bà M cùng có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống chấp nhận Đơn khởi kiện của ông Võ Văn Đ, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Võ Văn Đ với bà Nguyễn Thị M.

Về nuôi con chung sau ly hôn: Ông Đ bà M có 01 người con chung tên Võ Tường Vy, giới tính nữ, sinh ngày 29/8/2009 hiện do bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà M cùng cháu Vy nhưng cháu Vy không có ý kiến về nguyện vọng sống cùng cha hoặc mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy tại bản khai ông Đ và bà M đều có ý kiến giao bà M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy đến tuổi thành niên và ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu Vy theo quy định pháp luật. Xét thấy cháu Vy hiện được bà M là mẹ cháu trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ đã đi định cư ở nước ngoài, cháu Vy là nữ đang độ tuổi phát triển nên cần giao cho mẹ cháu trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp cho sự phát triển của cháu.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn Ông Võ Văn Đ và bà M không thỏa thuận, cùng có yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không quy định mức cấp dưỡng cụ thể mà căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Tại đơn ly hôn, bản khai và Đơn xin xét xử vắng mặt của ông Đ không thể hiện nghề nghiệp sinh sống hiện tại của ông Đ. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của trẻ em tại địa phương nơi cháu Vy sinh sống, thống nhất buộc ông Võ Văn Đ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Tường Vy mỗi tháng 2.000.000đ từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Võ Văn Đ xác định không có, bà M không có Đơn yêu cầu giải quyết theo thông báo của Tòa án nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Võ Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu của Cục thi hành án. Ông Võ Văn Đ phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 153, Điều 228, khoản 1 Điều 469, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn Đ về Việc xin ly hôn đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

1. Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Võ Tường Vy, sinh ngày 29/8/2009 giới tính nữ, cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi. Ông Võ Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vy với bà M số tiền 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng) tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi.

Ông Võ Văn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có yêu cầu theo quy định tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Võ Văn Đ phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0007110 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Ông Đ phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Riêng ông Võ Văn Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương